

BIẾN ĐỔI QUAN HỆ DÒNG HỌ CỦA NGƯỜI HÔNG THEO ĐẠO TIN LÀNH DI CƯ ĐẾN TỈNH ĐIỆN BIÊN¹

TRẦN THỊ HỒNG YẾN

1. Mở đầu

Dòng họ của người Hông lưu giữ một số đặc trưng về bản sắc tộc người. Bên cạnh đó, dòng họ cùng các tiêu đơn vị bên trong (ngành họ, chi họ, gia đình) còn là yếu tố cấu trúc nên tổ chức xã hội Hông. Hay nói một cách khác, về thực chất, xã hội Hông được tổ chức và điều hành bởi các dòng họ (Nguyễn Văn Thắng, 2009, tr. 155). Do vậy, nắm bắt được các mối quan hệ dòng họ cũng chính là cách tiếp cận để hiểu về xã hội của người Hông.

Với ý nghĩa quan trọng nêu trên, quan hệ dòng họ của người Hông từ lâu đã thu hút được sự chú ý của các học giả trong và ngoài nước. Đã có nhiều công trình, bài viết, được thực hiện ở các nhóm Hông khác nhau tại Việt Nam cũng như nhiều quốc gia trên thế giới (Mỹ, Lào, Thái Lan, Trung Quốc...). Nhìn chung, có một sự phân chia khá rõ rệt. Phần lớn các nghiên cứu trong nước tập trung đề cập đến dòng họ của nhóm

Hông giữ tín ngưỡng truyền thống trong khi các nghiên cứu nước ngoài chủ yếu viết về dòng họ của người Hông Tin Lành.

Trước hết, ở nhóm người Hông giữ tín ngưỡng truyền thống, các công trình viết về dòng họ thường xoay quanh các chủ đề: 1) Nguồn gốc dòng họ, những dấu hiệu để nhận biết dòng họ (Vương Duy Quang, 1987; 1994; 2005, tr. 106-132; Hồ Ly Giang, 2013); 2) Vai trò của trưởng tộc trong tổ chức, điều hành, giải quyết các công việc chung và trong thực hiện các nghi lễ tôn giáo của dòng họ (Phạm Quang Hoan, 1994, tr. 43-53; Vương Duy Quang, 2005, tr. 75-90); 3) Sự trợ giúp của dòng họ đối với các thành viên (Phạm Quang Hoan, 1995, tr. 14-20; Lee và Tapp, 2002, tr. 64; Nguyễn Văn Thắng, 2009, tr. 150-155); và 4) Cơ sở của sự cố kết dòng họ: dựa trên quan hệ huyết thống, cùng chung “ký hiệu” tôn giáo tín ngưỡng² và cùng hưởng dụng đất đai chung của dòng họ; đặc biệt, để bảo vệ dòng họ khỏi sự suy thoái, người ta cấm những người trong họ lấy nhau, cho dù là bao nhiêu đời (Phạm Quang Hoan, 1994, tr. 43-53; Nguyễn Văn Thắng, 2009, tr. 155).

¹ Nghiên cứu này thuộc đề tài cấp Bộ của Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam (2015 - 2016): “*Biến đổi văn hóa, xã hội của cộng đồng cư dân theo đạo Tin Lành ở một số dân tộc thiểu số miền núi phía Bắc (từ 2005 đến nay)*” do TS. Trần Thị Hồng Yến làm chủ nhiệm.

² Các kiêng kỵ, cách thức cúng ma, đặc biệt là nghi thức làm ma cho người chết.

Gần đây, dòng họ của người Hmông có những biến đổi dưới tác động của đô thị hóa và toàn cầu hóa. Nghiên cứu về vấn đề này ở bộ phận người Hmông giữ tín ngưỡng truyền thống tại các nước Lào, Thái Lan, hai tác giả Gary Lee và Nick Tapp cho biết: hiện nay người Hmông ở Lào và Thái Lan có hiện tượng đổi họ mới. Một số gia đình chọn tên của cụ tổ làm họ của cả nhóm; trong khi số khác lại lấy các họ của người Lào hay người Thái. Việc này rất có thể dẫn đến vi phạm các kiêng kỵ trong mỗi dòng họ, chẳng hạn như lấy lẫn nhau trong cùng một họ. Các tác giả cũng chỉ ra rằng, chính hiện tượng giữ nguyên cùng một tên họ như trước đây có mặt tích cực là cố kết cộng đồng Hmông mạnh, thực hiện được những cấm kỵ trong cùng họ tộc, nhưng cũng có bất cập là giảm đi tính thống nhất về chính trị trong một quốc gia (Lee và Tapp, 2002, tr. 60-69). Còn ở Việt Nam, qua khảo sát tại xã Bản Phố (huyện Bắc Hà, tỉnh Lào Cai), tác giả Phạm Thị Thu Hà cho biết: vai trò của trưởng họ hiện nay chỉ thấy qua các nghi lễ mang tính cộng đồng của dòng họ, đã thấy xuất hiện những vết rạn nứt trong các mối quan hệ trong dòng họ. Việc xích mích giữa các thành viên trong họ trước đây gần như không có thì hiện nay đang có xu hướng gia tăng. Nhiều hộ gia đình vì lợi ích kinh tế cá nhân đã không còn nhiệt tình giúp đỡ các hộ khác khi gặp khó khăn. Nền kinh tế hàng hóa xâm nhập vào đã tạo ra sự phân tầng trong xã hội người Hmông, sự phân biệt giàu - nghèo, đẳng cấp đang trong giai đoạn manh nha, nhiều luật tục, kiêng kỵ trong dòng họ đang có nguy cơ biến mất (Phạm Thị Thu Hà, 2014).

Nhóm Hmông theo đạo Tin Lành là đối tượng được nhiều tác giả quan tâm. Có

thể kể tới những nghiên cứu như: *Chủ quyền và sự nổi loạn của người Hmông Trắng ở Bắc Thái Lan* (1989); *Người Hmông ở Trung Quốc* (2003) của tác giả N. Tapp; *Điểm ngoặt của người Hmông của Yang Dao* (1993); *Thuyết thiên niên kỷ, những phong trào Thiên Chúa giáo và sự thay đổi tộc người ở người Mèo tại Tây Nam Trung Quốc* (1995) của Siu Woo Cheung; *Hmông Thiên Chúa giáo: cải đạo, hậu quả và xung đột* (1995) của Vayong Moua; *Các vấn đề dân tộc Hmông hiện nay: 10 điểm chính* (2002) của Gary Lee và N. Tapp... Phần lớn các nghiên cứu trên tập trung khảo sát về nguyên nhân, quá trình chuyển đổi, tác động của việc chuyển đổi sang Tin Lành đến văn hóa, xã hội người Hmông. Trong đó, vấn đề biến đổi về dòng họ chỉ được đề cập với dung lượng ít ỏi trong phần biến đổi văn hóa, xã hội; chưa có những nghiên cứu chuyên sâu, riêng biệt viết về biến đổi dòng họ.

Nghiên cứu về người Hmông Tin Lành ở Bắc Thái Lan, Tiến sĩ nhân học N. Tapp cho biết: nhìn chung, người Hmông cải đạo theo nhóm (gia đình, dòng tộc, làng bản). Vì thế, các giáo sĩ luôn nắm những vị trí then chốt: chủ nhà, trưởng tộc và trưởng bản (Tapp, 1989). Còn Tiến sĩ Vayong Moua, người Hmông Lào, hiện đang sống ở Mỹ, từ những chiêm nghiệm đời sống tâm linh của cộng đồng mình, đã lý giải nhiều vấn đề (nguyên nhân, phương thức theo đạo, đặc biệt là biến đổi của cộng đồng Hmông sau khi theo đạo Tin Lành). Theo tác giả, đạo Tin Lành đã phá vỡ cấu trúc xã hội cổ truyền (quan hệ làng bản, gia đình, dòng tộc) theo hướng phù hợp với xã hội hiện đại; phá bỏ tôn ti trật tự quá sùng bái người đứng đầu (già làng) và sự phân chia quyền lực khắt

khe về giới và tuổi tác. Quyền lực lãnh đạo đã được chuyển giao cho giới trẻ (nam), họ là người có giáo dục và thạo kinh thánh; vai trò nữ giới được đề cao. Người Hmông cũng bắt đầu xác định mình, chủ yếu với các giáo đoàn thay vì với gia tộc của họ... (Moua, 1995).

Những công trình nghiên cứu chuyên sâu về dòng họ của người Hmông Tin Lành ở Việt Nam dưới góc độ nhân học hầu như vắng bóng. Vấn đề này chỉ được đề cập là tiểu mục nhỏ trong các công trình nghiên cứu tổng thể của Nguyễn Văn Thắng (2009), Nguyễn Quỳnh Trâm (2016) với dung lượng nhất định... Nhìn chung, các tác giả đã đưa ra một số nhận định: khi cải đạo sang Tin Lành, dòng họ của người Hmông bị phân hóa thành hai nhóm đối lập nhau (nhóm giữ lý cũ và nhóm theo lý mới); vai trò của trưởng họ bị suy giảm; sự cố kết dòng họ trở nên lỏng lẻo hơn do mất đi tín ngưỡng thờ cúng truyền thống (bởi đây là một trong những tín hiệu nhận ra họ hàng); sự trợ giúp lẫn nhau giữa những người trong cùng họ ở nhóm Hmông theo Tin Lành bị suy giảm, đặc biệt trong các dịp hiếu, hỷ (Nguyễn Văn Thắng, 2009, tr. 156-158; Nguyễn Quỳnh Trâm, 2016).

Những trình bày trên đây cho thấy, những công trình viết về biến đổi quan hệ dòng họ của người Hmông Tin Lành trên thế giới nói chung và người Hmông Tin Lành ở Việt Nam nói riêng còn ít ỏi. Các tác giả nước ngoài đề cập đến quan hệ dòng họ của người Hmông Tin Lành trên thế giới với những nghiên cứu ở diện rộng, ít các nghiên cứu điểm chuyên sâu. Trong khi đó, các nghiên cứu trong nước, trên cơ sở khảo sát điểm, đều đưa ra một nhận định chung rằng: sau khi chuyển sang Tin Lành, mối quan hệ dòng họ truyền thống của người Hmông có

sự suy giảm rõ rệt và đang mất dần đi. Tuy nhiên, quan điểm trên ít có dẫn chứng cụ thể để phân tích, chứng minh.

Nghiên cứu của chúng tôi về quan hệ dòng họ của người Hmông theo đạo Tin Lành nhằm trả lời một số câu hỏi: Sau khi theo đạo Tin Lành, mối quan hệ dòng họ truyền thống của người Hmông sẽ ra sao? Vai trò, vị trí của thiết chế dòng họ truyền thống đối với mỗi thành viên dòng họ, đặc biệt, đối với cộng đồng Tin Lành hiện nay như thế nào?

Để trả lời cho câu hỏi trên, chúng tôi tập trung khảo sát tại 5 bản thuộc hai huyện Mường Nhé và Nậm Pồ của tỉnh Điện Biên³. Đó là các bản: Huổi Hốc, Huổi Khon (xã Nậm Kè); Cà La Pá (xã Leng Su Sìn) thuộc huyện Mường Nhé; bản Nậm Nhừ 3 (xã Nậm Nhừ); Phìn Hồ (xã Phìn Hồ) thuộc huyện Nậm Pồ. Đây là những điểm nóng về hoạt động đạo Tin Lành của người Hmông di cư đến vào các thời điểm khác nhau kể từ sau năm 1986 đến nay. Hiện tại, những làn sóng di cư nhỏ lẻ vẫn tiếp tục.

2. Vài nét quan hệ dòng họ truyền thống của người Hmông

Người Hmông gọi dòng họ là *xênhv*. Theo Vương Duy Quang, ở Việt Nam, dân tộc này có khoảng 20 *xênhv* gồm: Vàng, Giàng, Sùng, Ly, Thào, Mùa, Cháng, Vừ, Hạng... Thiết chế dòng họ có vai trò hết sức quan trọng trong đời sống người Hmông, là yếu tố cốt lõi nhất cấu thành xã hội Hmông.

³ Trong 5 bản trên, riêng bản Cà La Pá gồm người Hmông giữ tín ngưỡng truyền thống và người Hmông theo Tin Lành; các bản còn lại đều là bản của người Hmông Tin Lành.

Người Hmông có sự phân biệt rạch ròi về quan hệ dòng họ, nhằm xác định mức độ xa - gần để thực hiện trợ giúp và tuân thủ các điều cấm kỵ, nhất là trong lĩnh vực hôn nhân. Đây chính là yếu tố tạo nên bản sắc độc đáo của tộc người này.

Ở diện vĩ mô, dòng họ người Hmông bao gồm nhóm người có cùng tên họ. Chẳng hạn, những người có cùng tên họ như Vàng, Giàng, Thào..., bất kể người đó là ai, làm gì và sinh sống ở nơi đâu (trên nước Việt Nam hay trên toàn thế giới) đều là anh em. Nếu gặp nhau, họ có trách nhiệm giúp đỡ nhau về vật chất, tinh thần và tất nhiên, những người có cùng tên họ không được lấy nhau, cho dù cách bao nhiêu đời.

Ở phạm vi hẹp và gần hơn, dòng họ của người Hmông bao gồm những người cùng họ, cùng ma. Đó là nhóm người có chung quan hệ huyết thống, nhưng đồng thời phải có chung bốn “ký hiệu” tôn giáo (cách chôn người chết, cách làm ma bò, ma lợn, ma cửa). Các thành viên cùng họ, cùng ma có thể chết hoặc sinh đẻ ở nhà nhau.

Thiết chế dòng họ được điều hành bởi ba vị trí: đứng đầu là ông trưởng họ (*Uó thoux*, hay *Hâur pâul*), đảm nhiệm việc giải quyết các công việc phát sinh thường ngày trong nội bộ dòng họ và với các dòng họ khác. Tiếp đến là người cầm quyền ma quyền khách (*Cho đaz khuô*), cũng chính là người am hiểu các nghi lễ, cách thức làm ma của dòng họ mình, chuyên phụ trách về lĩnh vực tâm linh, cố vấn cho trưởng dòng họ trong công tác đối ngoại. Cuối cùng là bà cô (*Fâux* hay *Pu nhăngx*), có nhiệm vụ giám sát người cầm quyền ma quyền khách và các thành viên trong họ thực hiện các quy định

luật tục của dòng họ; người có quyền đưa ra những quyết định trong việc hôn nhân, cưới xin của các thành viên; xem xét việc sửa đổi các ký hiệu của dòng họ qua việc thờ cúng nếu thấy cần thiết.

Ngoài ba thành viên quan trọng điều hành hoạt động của dòng họ nêu trên, phải kể đến vai trò của thầy Shaman. Khi được nhờ đến, ông ta như một “thanh tra” giúp phát hiện ra những người không thực hiện hay làm sai các nghi lễ, quy định luật tục của dòng họ (Vương Duy Quang, 2005, tr. 78-79).

3. Quan hệ dòng họ của người Hmông theo Tin Lành

Quan hệ dòng họ của người Hmông Tin Lành được thể hiện trên các khía cạnh sau:

3.1. Sự trợ giúp dòng họ trong di cư lập làng

Các bản làng của người Hmông Tin Lành ở hai huyện Mường Nhé và Nậm Pồ nói chung và của 5 bản được khảo sát nói riêng, đều được thành lập bởi những người di cư đến từ các tỉnh lân cận (Lai Châu, Hà Giang, Sơn La, Lào Cai...). Do nhiều nguyên nhân khác nhau, họ phải rời quê cũ, đến vùng đất mới lập nghiệp⁴. Những cuộc di cư, lập làng mới luôn gắn liền với rủi ro, nguy hiểm. Bởi vậy, người di cư thường đi với nhiều gia đình, là anh em họ hàng, hoặc

⁴ Người dân bản Huổi Hốc cho biết, họ di cư do thiếu đất sản xuất; ngược lại, người dân bản Huổi Khon ra đi bởi quê cũ có nhiều ruộng đất, nhưng sau bao năm vẫn nghèo khổ vì đất bạc màu, lại không áp dụng khoa học kỹ thuật và giống mới vào sản xuất. Lý do di cư của người dân ở bản Nậm Nhừ 3 và bộ phận người dân theo đạo Tin Lành ở bản Cà La Pá là muốn “giữ đạo”, né tránh sự kiểm soát của chính quyền địa phương ở quê cũ và được tự do hành đạo ở nơi mới.

những người dân trong cùng thôn bản. Trong đợt đầu di cư, một số người cao tuổi, người đứng đầu dòng họ hoặc anh cả trong các gia đình đóng vai trò quan trọng. Họ đi tiên phong với mục đích thăm dò, khai phá, lập bản; những gia đình thành viên còn lại sẽ di cư đến sau.

Theo hồi cố của người dân, vào thời điểm những năm 80, 90 của thế kỷ trước, những đoàn người di cư tới huyện Mường Nhé, nối nhau thành hàng dài tới cả cây số. Phương tiện di chuyển chủ yếu là đi bộ. Một số hộ gia đình khá giả có ngựa thồ đồ đạc đi theo; những gia đình nghèo phải mang vác hoàn toàn bằng sức người. Quãng đường từ quê hương cũ đến nơi ở mới rất xa, người di cư phải đi bộ trong nhiều ngày đêm, băng qua núi, rừng, khe suối..., men theo những con đường mòn, dốc đá lởm chởm, với những hiểm họa luôn rình rập (ốm đau, bệnh tật, thú rừng, thiên tai...). Bối cảnh trên buộc tất cả các thành viên trong gia đình, dòng họ, bản làng cũ của người Hmông phải đoàn kết, yêu thương, cùng nhau vượt qua khó khăn, gian khổ với hy vọng tìm đất, lập làng ở vùng đất mới hoang vu⁵.

Ban đầu, bản làng được lập nên từ một vài dòng họ di cư tới trước; sau đó, dân số đông dần lên bởi những anh, em trong họ và một số dòng họ từ nơi khác di cư đến. Cụ thể, cư dân bản Huổi Khon chủ yếu thuộc các dòng họ Sùng, Giàng, Vàng... ở bản Hô Be (xã Phúc Khoa) và Nông trường Thủy Chứng (xã Thủy Chứng), thuộc huyện Tân

Uyên (tỉnh Lai Châu) di cư đến xã Nậm Kè (huyện Mường Nhé) năm 1997⁶. Khi mới thành lập, bản chỉ có 24 hộ gia đình. Sau một thời gian, họ Lý, Hâu đến xin nhập cư. Năm 2003, họ Hâu rời đi nơi khác. Vào năm 2007 lại có thêm 20 hộ gia đình từ bản cũ Hô Be di cư tới; và từ năm 2008 - 2009, có 14 hộ gia đình ở huyện Sa Pa (tỉnh Lào Cai) đến đây sinh sống. Trải qua thời gian, những dòng người đến và đi, cùng với các hộ gia đình nhỏ được tách ra từ gia đình lớn, đến nay, Huổi Khon (cũ) đã có 98 hộ và lại được chia tách thành 2 bản: Huổi Khon 1 gồm 58 hộ và Huổi Khon 2 có 40 hộ (Ủy ban nhân dân huyện Mường Nhé, 2014).

Như vậy, những làng bản theo Tin Lành ở hai huyện Mường Nhé và Nậm Pồ được lập nên bởi các dòng họ di cư từ các tỉnh miền núi phía Bắc. Có những dòng họ “trụ lại” ở vùng đất này, nhưng cũng có những dòng họ tiếp tục di cư tới những nơi khác, trong đó có Tây Nguyên. Sự trợ giúp của dòng họ trong quá trình di cư, tìm đất lập làng thể hiện ở sự đoàn kết, gắn bó, tương trợ, giúp đỡ lẫn nhau của các thành viên dòng họ trong suốt hành trình di cư. Bên cạnh đó, tinh thần tiên phong, khám phá, tìm đất, lập làng với bao khó khăn nguy hiểm của các thành viên đại diện các dòng họ. Sau cùng, khi tìm được khu đất định cư, lập nghiệp, đại diện các dòng họ lại trở thành “điểm tựa” cho các thành viên trong họ di cư đến sau.

⁵ Những năm 90 của thế kỷ trước, vùng đất huyện Mường Nhé và Nậm Pồ ngày nay còn rất hoang vu, chủ yếu là rừng rậm, vắng bóng người.

⁶ Trước kia, bản Hô Be và Nông trường Thủy Chứng thuộc huyện Than Uyên (tỉnh Lào Cai). Tư liệu điền dã bản Huổi Khon, xã Nậm Kè, huyện Mường Nhé, tỉnh Điện Biên, tháng 5/2015.

3.2. Trợ giúp của dòng họ trong phát triển kinh tế

Khi di cư đến vùng đất mới, việc đầu tiên của các gia đình là ổn định chỗ ở và phát triển sản xuất. Thành viên trong dòng họ giúp nhau dựng nhà, cùng khai phá đất đai. Những người thuộc dòng họ Giàng ở bản Huổi Khon, đứng đầu là Trưởng bản Giàng A Kỳ đã đồng tâm, hiệp lực để khai phá đất đồi hoang thành những nương lúa, nương ngô xanh tốt. Hiện nay, họ đang cùng nhau khai phá thêm những thửa ruộng bậc thang trồng lúa nước. Để có tiền thuê máy xúc, máy ủi san gò đồi thành ruộng, các gia đình bàn nhau bán trâu, bò, thóc... Khi một thành viên trong họ có giống cây mới năng suất cao (ngô, lúa) hoặc có công việc kiếm ra nhiều tiền, họ đều mách bảo nhau cùng làm.

Dòng họ Thào ở bản Nậm Nhừ 3 (xã Nậm Nhừ, huyện Nậm Pồ) di cư đến từ huyện Xín Mần (tỉnh Hà Giang). Các thành viên dòng họ luôn hỗ trợ nhau trong chăn nuôi, buôn bán gia súc. Cụ thể, một người chú trong họ sau khi biết được “nghề” mua trâu bò về vỗ béo rồi bán lấy lãi, đã chỉ bảo cho các thành viên trong họ biết cách làm ăn mới. Nhờ vậy, dòng họ Thào có nhiều gia đình gây dựng được đàn gia súc lớn như Thào A Hờ nuôi 8 con bò; Thào A Dế nuôi 12 con bò, 4 con trâu; Thào A Đình nuôi 12 con trâu; Thào A Páo (A) nuôi 8 con trâu... Ngoài ra, những người di cư đến sau sẽ được anh em họ hàng chia đất sản xuất; giúp thóc, gạo, lợn, gà và tiền bạc để làm vốn, ổn định cuộc sống trong năm đầu tiên khi mới di cư tới...

3.3. Trợ giúp dòng họ trong sinh hoạt thường ngày

Không chỉ trợ giúp về kinh tế, các thành viên trong dòng họ di cư đến trước

còn giúp đỡ những người di cư đến sau ổn định chỗ ở, hòa nhập cuộc sống mới. Nhiều hộ gia đình đến sau được chia đất ở, được cho nguyên vật liệu làm nhà (gỗ ván, cây gỗ to làm cột chính, tấm lợp...). Bên cạnh đó, khi dựng nhà, chủ gia đình còn nhận được sự giúp đỡ về công sức của anh em trong dòng họ.

Ngoài ra, để giúp các gia đình chuyển đến sau nhanh chóng hòa nhập với cuộc sống nơi ở mới, một số hộ gia đình đến trước còn trợ giúp “vốn” cho hộ gia đình đến sau. Điều tra cho thấy, hình thức trợ giúp rất đa dạng như cho mượn trâu, bò làm ruộng, giúp lương thực ăn đủ trong năm đầu, cho lợn hoặc gà để gây dựng đàn gia súc, gia cầm... Các gia đình cùng họ cùng ma dòng họ Sùng, Thào ở bản Nậm Nhừ 3 còn nhường đất cho các gia đình chuyển cư đến sau. Cụ thể, nhà Sùng A P. (phó trưởng nhóm đạo) có hai người chú ruột di cư đến trước (năm 1995). Vài năm sau, gia đình anh P. chuyển đến. Cuộc sống lúc đầu khá vất vả. Để giúp gia đình người cháu bớt khó khăn, các ông chú đã “cắt” tặng cho anh P. một mảnh đất ở, giúp cho thóc ăn đủ trong năm đầu và giúp nhiều vật liệu, công sức để dựng nhà ở. Tương tự, anh Thào A D. - Trưởng bản Nậm Nhừ 3 chuyển đến bản năm 1997, cũng được những anh em cùng họ, cùng ma giúp cho đất ở, giúp làm nhà. Ngoài ra, cả bản cùng nhau giúp đỡ công sức để gia đình mới đến ổn định cuộc sống.

Tại bản Phìn Hồ, điều tra cho thấy, trong nhiều dòng họ, khi một thành viên làm nhà, các thành viên khác đều trợ giúp đắc lực về nhân lực và vật lực như chặt cây, kéo gỗ về bản. Trong khi đó, một số thành viên khác đi xe máy chở tấm lợp từ trung tâm UBND xã về bản (vượt qua đoạn đường đèo

hơn 10 cây số, bên núi cao, bên là vực thẳm). Vai trò dòng họ còn thể hiện ở trách nhiệm của các thành viên đối với những người không may gặp hoạn nạn, ốm đau, bệnh tật... Trường bản Phìn Hồ - Thào A Ph. đã “cuu mang” mẹ con người chị gái họ. Sau một thời gian, khi cháu bé lớn, chị xin ra ở riêng. Vợ chồng Trường bản tiếp tục giúp đỡ người chị họ bằng cách cho mượn trâu để cày ruộng, giúp cho hai bao thóc để ăn sau khi mới tách họ. Ngoài ra, khi trong dòng họ có thành viên không may gặp ốm đau, hoạn nạn, các thành viên khác trong họ Thào đều nghỉ việc, chung tay giúp đỡ.

Ở phạm vi gần, nhóm người cùng họ cùng ma của người Hmông gồm ba đời (ego, cha mẹ và ông bà). Theo luật tục, những bậc bề trên phải có trách nhiệm cuu mang các thành viên trong họ khi xảy ra biến cố. Chẳng hạn, những trường hợp cha mẹ mất sớm khi con cái còn nhỏ, đại diện dòng họ ra quyết định, trước tiên giao lại cho ông bà nội hoặc bác trai, bác gái nuôi dưỡng (vợ chồng người anh trai ruột của bố). Nhưng vì lý do nào đó, những người trên không đảm nhận được, dòng họ có thể giao cho chú thím (vợ chồng em trai ruột của bố) hoặc cậu bố, cậu mẹ nuôi nấng (vợ chồng người em trai ruột của mẹ). Ở trường hợp khác, người chồng không may mất đi, vợ anh ta đi lấy chồng mới. Theo quy định của người Hmông, người mẹ chỉ được mang theo con gái, còn các con trai phải để lại cho dòng họ nuôi dưỡng. Nếu người con trai cả đã trưởng thành, có khả năng chăm sóc các em, sẽ nhận được sự giúp đỡ, hỗ trợ và giám sát từ những bậc bề trên trong dòng họ. Ngược lại, khi về già, các bậc bề trên nếu không có con cái ruột nuôi dưỡng, sẽ nhận được sự cuu

mang từ những người trẻ trong dòng họ. Cụ thể, có những trường hợp người già không có con trai hoặc con gái để nương tựa, trách nhiệm nuôi dưỡng sẽ thuộc về người cháu trai (là con của anh trai hoặc em trai). Và lẽ dĩ nhiên, gia sản của người đó phải để lại cho người cháu chăm sóc, nuôi dưỡng.

Trong cuộc sống thường ngày, mâu thuẫn, tranh chấp xảy ra giữa các thành viên trong và ngoài dòng họ thường không tránh khỏi. Để giải quyết vấn đề trên, các dòng họ đều cử ra những người có uy tín để giải quyết. Nhờ đó, tình cảm anh em trong dòng họ vẫn được gìn giữ và duy trì.

Những dẫn chứng trên đây cho thấy, thiết chế dòng họ truyền thống của người Hmông Tin Lành không bị mất đi mà vẫn được gìn giữ và phát huy trong cuộc sống hiện tại. Khi theo Tin Lành, dòng họ vẫn giữ vai trò quan trọng, bằng chứng là dòng họ vẫn giúp đỡ các thành viên, nhất là ba thế hệ trực hệ. Họ chia sẻ đất ở, đất sản xuất, cùng nhau phát triển kinh tế, giúp đỡ nhau lúc ốm đau, giải quyết mâu thuẫn... Dòng họ không chỉ là điểm tựa, nâng đỡ cho các thành viên trong cuộc sống hàng ngày, mà còn là nơi cuu mang lúc về già hoặc khi họ gặp bất trắc, khó khăn trong cuộc đời. Tùy theo mức độ xa hay gần, mỗi người Hmông đều nhận được sự giúp đỡ nhiều hay ít tương ứng từ dòng họ. Những người anh em cùng ma thì có thể chết hoặc sinh đẻ được ở nhà nhau; thiếu trâu cày cho mượn trâu cày, thiếu thóc cho thóc...; những anh em cùng tên họ, dù ở đâu đi chăng nữa, đều là anh em. Mỗi người Hmông luôn có ý thức về dòng họ, ở đó, họ có những “quyền lợi”, đồng thời cũng có trách nhiệm và bổn phận đối với các thành viên khác. Tại bản Nậm Nhừ 3, khi hỏi về

dòng họ của mình, phó trưởng nhóm đạo Sùng A P. cho biết: trong bản có 27 hộ cùng tên họ Sùng và 7 hộ cùng ma. Tương tự, họ Thào của trưởng bản Phìn Hồ có 16 hộ cùng họ cùng ma... Dẫn chứng trên cho thấy, người Hmông Tin Lành vẫn có ý thức rất rõ về dòng họ mình. Họ không đơn độc mà có sự hỗ trợ cả về vật chất, tinh thần và hoàn toàn yên tâm tại nơi ở mới.

3.4. Quan hệ dòng họ giữa quê mới và quê cũ

Đối với những người di cư, bên cạnh mối quan hệ dòng họ tại nơi cư trú mới, mối quan hệ với dòng họ ở quê hương cũ cũng rất quan trọng. Ở giai đoạn đầu, khi người dân mới theo Tin Lành (những năm 80 - 90 của thế kỷ trước), mâu thuẫn trong gia đình, dòng họ giữa những người theo và không theo Tin Lành diễn ra gay go, quyết liệt. Hiện nay, sau khi Chỉ thị 01 được ban hành, những mâu thuẫn này đã có phần dịu bớt. Ở thời điểm hiện tại, mối quan hệ trong nội bộ các dòng họ đã ổn định hơn, có phần “hiều” và cảm thông cho nhau.

Trên thực tế, thành viên các dòng họ theo đạo Tin Lành ở huyện Mường Nhé, Nậm Pồ vẫn thường xuyên liên hệ với anh em, dòng họ ở quê cũ. Nếu có người ốm đau hoặc tổ chức cưới xin, tang ma..., họ đều cố gắng thu xếp công việc để trở về. Ngược lại, nếu ở Mường Nhé, Nậm Pồ có người ốm đau hay có công việc, anh em dòng họ ở quê cũ vẫn cố gắng xuống thăm; không còn e ngại bởi sự “ngăn trở” giữa người theo và không theo đạo như trước đây. Ngoài lúc có công việc lớn nêu trên, hàng năm, những người di cư còn về quê cũ vào những dịp Tết, mặc dù ở quê cũ còn ít anh em, họ hàng (nhất là những người cùng họ, cùng ma).

Còn người thân ở quê cũ cũng luôn mong đợi người Tin Lành ở quê mới về ăn Tết. Đây cũng là dịp sum họp, đoàn tụ các thành viên trong dòng họ. Trong trường hợp không về được, những người di cư vẫn thường gửi tiền về giúp đỡ các thành viên dòng họ ở quê cũ.

Trong cuộc sống hàng ngày, những người Tin Lành ở quê mới cũng thường xuyên gọi điện thoại về thăm hỏi anh em họ hàng ở quê cũ. Dù xa quê hương, nhưng họ không cắt đứt “núm ruột” với quê cũ mà thường xuyên trợ giúp. Ngày thường, người ở quê cũ lên chơi, thấy cuộc sống nơi ở mới khá vất vả, họ khuyên anh em nên trở về quê cũ. Tuy nhiên, người dân ở quê mới thấy kinh tế của các gia đình ở quê cũ không khá hơn là bao nên cũng không có ý định quay về. Trong những chuyến về thăm quê, họ cũng chỉ lưu lại ít ngày, phần vì còn nhiều công việc tại nơi ở mới, phần vì sợ trở thành “gánh nặng” cho anh em ở quê cũ. Theo chia sẻ của các gia đình, mỗi lần về quê khá tốn kém. Tổng chi phí cho mỗi chuyến đi thường khoảng 5 - 7 triệu đồng. Đây là một số tiền đáng kể khi cuộc sống của người dân còn nhiều khó khăn. Đó cũng là lý do khiến họ không thể thường xuyên về thăm quê cũ như mong muốn.

Theo những người di cư, thời kỳ đầu, đạo Tin Lành cũng chia rẽ anh em, họ hàng. Tuy nhiên, từ năm 2005 trở lại đây, sự chia rẽ có phần giảm xuống. Nguyên nhân là do: 1) Đối với người Hmông, anh em, họ hàng khó mà bỏ được nhau. Sau một thời gian, xa cách, họ cảm thấy nhớ nhau. Vì thế, sự thăm nom, qua lại, gọi điện thoại gần đây diễn ra thường xuyên hơn; 2) Sau khi đi chơi ở quê mới về, các thành viên ở quê cũ cảm thấy cuộc sống của những người Tin Lành không

có gì khác nhiều so với những người ở quê cũ nên họ cũng dần hiểu ra và có sự cảm thông; và 3) Có thể nói, tác động của Chi thị 01 của Nhà nước đã góp phần quan trọng trong quan hệ với những người theo Tin Lành. Việc theo đạo không còn bị quản lý chặt chẽ như trước kia. Một số điểm nhóm đáp ứng đủ các tiêu chí của Nhà nước, đã được cấp “Giấy chứng nhận đăng ký sinh hoạt điểm nhóm”. Nhờ đó, những người ngoài đạo dần có thiện cảm hơn với người Tin Lành, trước hết là ở một bộ phận anh em trong dòng họ.

Khi được hỏi về tình hình ở quê cũ (bản Hô Be, xã Phúc Khoa, huyện Tân Uyên, tỉnh Lai Châu), Trưởng bản Huổi Khon và những người khác đều trả lời: ở quê cũ hiện nay, Nhà nước đã đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, giao thông thuận tiện, kinh tế phát triển hơn. Tuy nhiên, do hơn một nửa bản cũ đã bán hết nhà cửa, trâu bò, lợn gà, ruộng vườn... để vào đây rồi nên không thể quay về nữa. Một lý do khác khiến họ không muốn quay về đó là, ở quê cũ có người theo, người không theo Tin Lành nên rất “khó sống”; còn nơi mới toàn những người đồng đạo nên dễ sống hơn.

Những dẫn liệu trên đây đã chứng minh, mối liên kết gia đình, dòng họ truyền thống ở những người Hmông theo Tin Lành vẫn còn gìn giữ. Các thành viên trong dòng họ, cụ thể là các bậc bề trên vẫn là điểm tựa cả về vật chất và tinh thần cho những thế hệ sau. Các gia đình trẻ luôn nhận được sự hỗ trợ, chỉ bảo, giúp đỡ trước tiên và thiết thực từ các gia đình bố mẹ, bác trai, bác gái, chú thím hoặc cậu bố, cậu mẹ... khi gặp khó khăn, hoạn nạn. So với mối quan hệ đồng đạo, mối quan hệ dòng họ truyền thống vẫn

gần gũi hơn cả. Trên thực tế, khi xảy ra bất kỳ một sự việc (mâu thuẫn nội bộ, tranh chấp đất đai, quan hệ ứng xử...), các quyết định trước tiên đưa ra bao giờ cũng là ý kiến của các thành viên cao tuổi trong dòng họ.

Nhận thấy vai trò quan trọng của những người đứng đầu các dòng họ đối với các thành viên trong họ, hiện nay, ở một số bản người Hmông Tin Lành, những người đứng đầu nhóm đạo (trưởng, phó đạo) thường “tranh thủ” uy tín của những người này trong công tác phát triển đạo. Nguyên nhân là do trưởng nhóm đạo và các thành viên Ban Chấp sự thường là những người trẻ tuổi, uy tín của họ đối với người trung tuổi và người già còn thấp. Do vậy, để truyền, giảng đạo và phổ biến lối sống mới cho các tín đồ trong các lĩnh vực cưới xin, tang ma..., các thành viên Ban chấp sự đã tranh thủ uy tín của những người đứng đầu các dòng họ. Ở bản Huổi Khon, những người cao tuổi (cũng là các tín đồ), có nhiệm vụ bảo ban lớp trẻ trong công việc tang ma, cưới xin, giữ gìn đoàn kết trong bản, phổ biến những kinh nghiệm trong sản xuất, từ bỏ uống rượu, học Kinh thánh... Theo trưởng nhóm đạo Giàng A D.:

“Những người có tuổi từ 50 - 60 tuổi trở lên, nói dân bản mới nghe. Họ dạy cách làm ma mới và bảo rằng: trước kia làm ma khổ như thế này, làm cúng như thế này, giờ có tổ chức, phải đoàn kết, yêu thương nhau. Người trẻ quá nói dân bản không nghe đâu”.

Những người già trong bản còn thường xuyên kể cho lớp trẻ nghe về lý cũ. Tuy nhiên, mục đích của những câu chuyện kể không phải để giữ gìn bản sắc văn hóa truyền thống của người Hmông mà để hướng thế hệ trẻ tin theo lý mới.

Trưởng bản Huồi Khon Giàng A K. và những người già khác trong bản thường xuyên kể lại lý cũ cho lớp trẻ nghe. Một trong những câu chuyện ông kể là cách làm tang ma cho người chết theo lý cũ. Ví dụ, làm lý cũ phải mất nhiều trâu, bò, lợn, gà..., để người chết lâu ngày trong nhà, ruồi muỗi đậu vào xác chết, sau đó lại bay đậu vào thức ăn của người sống. Như vậy, người sống ăn vào những thức ăn mất vệ sinh như thế... Nghe xong, lũ trẻ hét lên: “Eo ôi, ghê quá”. Từ những câu chuyện kể của người già về phong tục tập quán cũ, các thành viên trẻ trong dòng họ và bản làng thấy cần phải học theo lý mới và duy trì nó. Họ rất sợ phải quay lại lý cũ của cha ông.

Ngoài ra, những người già ở các dòng họ còn kể về nguồn gốc của người Hmông (di cư từ Trung Quốc sang), về lịch sử của bản cũ trước khi di cư về đây, nguồn gốc của bản mới gắn với quá trình di cư lập làng. Đây là những cách truyền dạy rất ấn tượng và hiệu quả. Thời gian sinh hoạt, kể chuyện theo định kỳ một tháng một lần.

Tại các bản Phìn Hồ và Nậm Nhừ 3, mỗi dòng họ còn cử ra hai người làm đại diện để cùng với Ban Chấp sự giải quyết các công việc của bản. Hội đồng già làng bản Nậm Nhừ 3 gồm sáu người, do các dòng họ cử ra làm người đại diện, phụ trách các sinh hoạt xã hội của thôn bản.

Sự kết hợp giữa Ban nhiệm chức⁷ của các điểm nhóm và trưởng các dòng họ rất chặt chẽ ở bản Cà La Pá. Để giữ nếp sống đạo, những vị chức sắc đạo (mục sư, thầy giảng, trưởng nhóm) thường kết hợp chặt

chẽ với trưởng các dòng họ. Trong các buổi sinh hoạt đạo, sau phần *làm chứng*, nếu một người nào đó thường xuyên vắng mặt hoặc vẫn còn uống rượu..., đích thân trưởng nhóm hay người đại diện do trưởng nhóm cử đến nhắc nhở, giảng kinh thánh, đọc cho nghe 10 điều răn. Nếu nhắc nhở vẫn không thấy chuyển biến, sẽ nhờ đến trưởng dòng họ nhắc nhở và mức tiếp theo là sẽ bị khai trừ ra khỏi điểm nhóm. Một người tín đồ bao giờ cũng nhận được sự giúp đỡ từ hai nơi: dòng họ và điểm nhóm đạo. Dòng họ bao giờ cũng là địa chỉ trực tiếp giúp đỡ trước tiên khi một tín đồ gặp khó khăn. Nếu về vấn đề tài chính, dòng họ không đủ năng lực thì điểm nhóm sẽ huy động để giúp đỡ.

Như vậy, khi chuyển sang Tin Lành, dòng họ truyền thống của người Hmông vẫn phát huy vai trò của mình trong phát triển kinh tế, quản lý xã hội, hỗ trợ truyền đạo, xây dựng lối sống, nếp sống theo Tin Lành. Tuy nhiên, khi xem xét về mặt tâm linh, chúng tôi thấy sự suy giảm vai trò của dòng họ truyền thống. Trước hết, trên thực tế, tại các bản nghiên cứu cho thấy những vị trí đảm nhận các nghi lễ tâm linh trong dòng họ trước đây như *người cầm quyền ma quyền khách* (*Cho đaz khuô*), vai trò của *bà cô* trong việc giám sát *Cho đaz khuô* và các thành viên trong dòng họ thực hiện các nghi lễ, luật tục của dòng họ (cưới xin, tang ma...) đã mất đi. Cùng với đó, những nghi lễ truyền thống của dòng họ trong cúng ma bò, ma lợn, ma cửa và cách thức chôn người chết của dòng họ, là bốn ký hiệu để các thành viên trong họ nhận ra nhau cũng bị xóa bỏ. Theo đó, vai trò trưởng dòng họ cũng mất đi trong lĩnh vực tâm linh. Nếu như trước đây, trưởng họ là người có vai trò quan trọng

⁷ Ban Nhiệm chức hay Ban Chấp sự, tùy theo cách gọi của các hệ phái Tin Lành.

trong các công việc như: cưới xin, tang ma, làm nhà... của các thành viên, thì hiện nay, sự hỗ trợ của trưởng nhóm, phó nhóm và những người đồng đạo đóng vai trò quan trọng. Để chứng minh cho sự suy giảm của vai trò dòng họ trong lĩnh vực tâm linh khi chuyển sang lý mới, một tín đồ ở bản Nậm Nhừ 3 đã lấy ví dụ cụ thể như sau:

“Giả sử, nếu theo lý cũ trước đây, khi bố Th. mất, bác trai, bác gái có quyền bắt Th. phải làm lý trâu, bò, lợn. Nếu không có, Th. phải đi vay mượn để làm lý. Khi Th. theo lý mới, nếu bố Th. mất, bác trai, bác gái không bắt được trâu, bò của anh em nhà Th. nữa. Nếu nhà Th. nghèo, không có nhiều tiền làm tang ma thì cả bản phải đóng góp tiền vào. Tuy nhiên, anh em đồng hương⁸ vẫn là những người giúp nhau nhiều nhất”.

Như vậy, sợi dây liên kết qua tín ngưỡng truyền thống đã được thay thế bằng sự liên kết mới, đó là đạo Tin Lành. Chúng tôi sẽ trình bày trong một nghiên cứu khác về mối quan hệ giữa những người đồng đạo.

Kết luận

Người Hmông Tin Lành di cư đến hai huyện Mường Nhé và Nậm Pồ (tỉnh Điện Biên) từ khắp các tỉnh lân cận như Lai Châu, Sơn La, Lào Cai, Hà Giang... theo dòng họ, làng bản. Khi tới nơi ở mới, vai trò dòng họ truyền thống vẫn được duy trì; thể hiện trên các phương diện khai hoang lập làng, hỗ trợ kinh tế (giúp đỡ nhau về vật chất trong những lúc khó khăn), chia sẻ tình cảm (niềm vui, nỗi buồn trong cưới xin, tang ma)... Dòng họ của người Hmông đã trở thành điểm tựa, nguồn sức mạnh vật chất và tinh

thần lớn lao để các gia đình thành viên vững bước vượt qua những khó khăn, tạo nên những thành công trong cuộc sống.

Kết quả nghiên cứu cho thấy, thiết chế dòng họ truyền thống của người Hmông trong quản lý xã hội vẫn được duy trì và phát huy trong xã hội của người Hmông Tin Lành, đặc biệt, có sự kết hợp với thiết chế xã hội mới của Tin Lành. Những người đứng đầu nhóm đạo (trưởng, phó đạo) thường “tranh thủ” uy tín của những người đứng đầu các dòng họ để truyền đạo, giáo dục thế hệ trẻ, giải quyết mâu thuẫn, xung đột... trong bản làng.

Những mâu thuẫn trong nội bộ các dòng họ (giữa người theo và không theo đạo) trước đây đã giảm đáng kể từ sau Chỉ thị 01 của Chính phủ (2005). Một xu hướng mới hiện nay là hòa giải, xích lại gần nhau, thông cảm và tôn trọng sự lựa chọn tôn giáo, tín ngưỡng của các cá nhân. Tuy nhiên, ở một số nơi và trong một số dòng họ, mâu thuẫn này vẫn còn tồn tại dưới dạng bất hòa hoặc tiềm ẩn do sự khác biệt về thế giới quan thể hiện chủ yếu qua việc tổ chức cưới xin, tang ma. Đây là sự xung đột mạnh mẽ về văn hóa trong giai đoạn đầu ở bất cứ cộng đồng nào, khi chuyển sang một tôn giáo mới, gắn với sự thay đổi thế giới quan.

Vai trò dòng họ truyền thống của người Hmông trong vấn đề tâm linh đã bị mất đi. Những vị trí *người cầm quyền ma quyền khách* (*Cho đaz khuô*), vai trò của bà *cô* trong việc giám sát *Cho đaz khuô* và các thành viên trong dòng họ thực hiện các nghi lễ, luật tục của dòng họ, đã bị thay thế bởi trưởng nhóm đạo và Ban chấp sự⁹. Bên cạnh

⁸ Anh em cùng họ, cùng ma.

⁹ Chúng tôi sẽ trình bày ở một nghiên cứu khác về “Sự biến đổi thiết chế xã hội ở bản làng người Hmông Tin Lành”.

đó, bốn ký hiệu giúp những thành viên trong dòng họ nhận ra nhau như nghi lễ cúng ma bò, ma lợn, ma cửa và cách thức chôn người chết của dòng họ... đến nay cũng không còn nữa.

Qua nghiên cứu có thể khẳng định, mối quan hệ dòng họ truyền thống của người Hmông theo Tin Lành đến nay không bị mất đi hoàn toàn. Vai trò của dòng họ chỉ bị suy giảm ở lĩnh vực tín ngưỡng tâm linh và vị trí này đã được chuyển sang những người đứng đầu các điểm nhóm. Theo đó, một mối quan hệ mới hình thành - quan hệ giữa những người đồng đạo.

Tài liệu tham khảo

1. Cheung, Siu Woo (1995) “Mellenarianism, Christian Movements, and Ethnic Change among the Miao in Southwest China”, in: *Cultural Encounters on China's Ethnic Frontiers*, ed. by Stevan Harrell, The University of Washington Press, Seattle, Pp. 217-247.
2. Dao, Yang (1993), *Hmông at the turning point*, Published by World Bridge Associates Ltd, Minneapolis, MN.
3. Hồ Ly Giang (2013), *Dòng họ người Hmông Trắng tỉnh Sơn La*, Luận án tiến sĩ Nhân học, Học viện Khoa học xã hội.
4. Phạm Thị Thu Hà (2014), “Vai trò của dòng họ trong đời sống của người Hmông”, *Tạp chí Khoa học xã hội*, số 5 (78), tr. 94-102.
5. Phạm Quang Hoan (1994), “Vai trò của các thiết chế xã hội truyền thống trong việc quản lý nguồn tài nguyên cộng đồng của người Hmông”, *Tạp chí Dân tộc học*, Số 2, tr. 43-53.
6. Phạm Quang Hoan (1995), “Một số nghi lễ liên quan đến dòng họ ở người Hmông huyện Kỳ Sơn, Nghệ An”, *Tạp chí Dân tộc học*, Số 3, tr. 14-20.
7. Lee, Gary và Tapp, Nick (2002), “Các vấn đề về dân tộc Hmông hiện nay: 10 điểm chính”, *Tạp chí Dân tộc học*, Số 4, tr. 60-69.
8. Moua, Vayong (1995), *Hmong Christianity: Conversion, Consequence, and Conflict*, trên trang <http://www.drugwar.com/akhahmong.shtm>.
9. Vương Duy Quang (1987), “Quan hệ dòng họ trong xã hội người Hmông”, *Tạp chí Dân tộc học*, Số 2, tr. 72-78.
10. Vương Duy Quang (1994) “Vấn đề người Hmông Kitô hiện nay”, *Tạp chí Dân tộc học*, Số 4, tr. 36-46.
11. Vương Duy Quang (2005), *Văn hóa tâm linh của người Hmông ở Việt Nam, truyền thống và hiện tại*, Nxb Văn hóa - Thông tin và Viện Văn hóa.
12. Tapp, Nicholas (1989), *Sovereignty and Rebellion the White Hmong of Northern Thailand*, Oxford University Press, Oxford.
13. Tapp, Nicholas (2003), *The Hmong of China*, Brill Academic Publishers, Boston.
14. Nguyễn Văn Thắng (2009), *Giữ “lý cũ” hay theo “lý mới”? Bản chất của những phản ứng khác nhau của người Hmông ở Việt Nam với ảnh hưởng của đạo Tin Lành*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
15. Nguyễn Quỳnh Trâm, (2016), *Văn hóa của người Hmông theo đạo Tin Lành ở Lào Cai*, Luận án tiến sĩ Nhân học, Học viện Khoa học xã hội.
16. Ủy ban nhân dân huyện Mường Nhé (2014), *Số liệu tôn giáo chi tiết tại các xã*, 12/ 2014.